

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày 31-5-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 29-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2022/QĐ-PT ngày 18-11-2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 94/2022/QĐ-PT ngày 01-12-2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2022/QĐPT-DS ngày 19-12-2022, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 02/TB-TDS ngày 13-01-2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐPT-DS ngày 21-02-2023, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 03/2023/QĐ-PT ngày 20-3-2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 02/2023/QĐPT-DS ngày 08-5-2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2023/QĐ-PT ngày 19-5-2023, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 74/2023/QĐ-CA ngày 25-5-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số *, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị H - Luật sư văn phòng Luật sư K; địa chỉ: Số **, đường C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 29-5-2023, vắng mặt ngày 31-5-2023.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T; địa chỉ: Số nhà **, dãy ***, khu đô thị *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Văn D; địa chỉ: Số **, đường P, khu tái định cư P, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 29-5-2023, vắng mặt ngày 31-5-2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn D: Ông Nguyễn Văn H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Thiên H; địa chỉ: Tô *, đường N, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt ngày 29-5-2023, vắng mặt ngày 31-5-2023.

2. Bà Hoàng Thị X; địa chỉ: Số **, đường P, khu tái định cư P, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Đinh Khắc H; địa chỉ: Mỏ đá H, thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 29-5-2023, vắng mặt ngày 31-5-2023.

4. Ông Nguyễn Bình N; địa chỉ: Số **, ngõ **, đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 29-5-2023, vắng mặt ngày 31-5-2023.

5. Ông Nguyễn Đình V; địa chỉ: Số **, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn T là bị đơn và ông Trần Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 10-12-2018, bà Nguyễn Thị H cho bên vay là ông Trần Văn T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thời hạn vay từ ngày 10-12-2018 đến ngày 12-01-2019, mức lãi suất theo thỏa thuận, phương thức cho vay bằng tiền mặt, mục đích vay để phục vụ cho sản xuất kinh doanh; khi lập hợp đồng có người làm chứng là ông Nguyễn Đình V.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết từ trước và bà cũng đã cho ông Trần Văn T vay mượn tiền nhiều lần, nên ngày 09-12-2018 ông Trần Văn T có hỏi vay tiền của bà. Ngày 10-12-2018, bà cho ông Trần Văn T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), tại nhà ông Nguyễn Đình V, tại địa chỉ: Số **, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, việc vay mượn có lập thành văn bản là Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 10-12-2018. Trong hợp đồng không ghi cụ thể mức lãi suất, nhưng theo lãi suất thỏa thuận từ các lần vay trước, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/năm. Hết thời hạn cho vay, ông Trần Văn T không trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Văn T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tính lãi 1,5%/tháng. Tại

phiên toà sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Văn T phải trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào ngày 10-12-2018, thời điểm đó ông Trần Văn T giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H, được sự chỉ đạo của ông Trần Văn D - Giám đốc Công ty qua điện thoại, do ngày 10-12-2018 ông Trần Văn D bận đi công tác nên ông bảo ông đến nhận thay ông Trần Văn D khoản tiền vay với bà Nguyễn Thị H tại nhà ông Nguyễn Đình V. Ông có được ký tên vào phần bên vay tại Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 10-12-2018, tuy nhiên khi ký hợp đồng, ông chỉ suy nghĩ đơn giản là ký để đầy đủ thủ tục nhận tiền thay ông Trần Văn D, chứ thực tế ông không vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà Nguyễn Thị H cũng không có mặt, phần chữ ký bên người cho vay tại hợp đồng để trống, ông Nguyễn Đình V ký vào phần người làm chứng và ông Vũ là người trực tiếp đưa số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cho ông. Sau khi nhận tiền vay, ông đưa 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cùng Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 10-12-2018 (bản của ông Tiếp giữ, không có chữ ký của bên cho vay bà Nguyễn Thị H) cho ông Đinh Khắc H - Kế toán của Công ty để nhập tiền vào quỹ Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Sau đó, việc sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) này do ông Trần Văn D chỉ đạo ông Đinh Khắc H thực hiện chi. Vì vậy, ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H phải tự đối chiếu, thanh toán nợ cho nhau, ông Trần Văn T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày: Ngày 10-12-2018, ông có gọi điện nhờ ông Trần Văn T đến nhận khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) với bà Nguyễn Thị H tại nhà ông Nguyễn Đình V. Sau khi ông Trần Văn T nhận tiền thay ông xong, cùng ngày ông có nhắn tin xác nhận với bà Nguyễn Thị H với nội dung “Anh đã nhận đủ số tiền 3.200.000.000 đồng”. Tuy nhiên, ông không biết việc ông Trần Văn T ký vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 10-12-2018, đến khi bà Nguyễn Thị H khởi kiện tại Tòa án thì ông mới biết sự xuất hiện của hợp đồng này. Ngoài khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông nhờ ông Trần Văn T nhận thay, ông còn vay bà Nguyễn Thị H thêm các khoản vay khác, nhưng ông không nhớ cụ thể từng ngày vay, từng món vay và cũng không giữ các tài liệu thể hiện về các khoản tiền vay giữa ông với bà Nguyễn Thị H, ông chỉ giữ các tài liệu chứng minh về số tiền ông đã trả cho bà Nguyễn Thị H. Ngày 20-11-2020, ông với bà Nguyễn Thị H chốt khoản nợ còn lại là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Do ông Trần Văn T chỉ là người nhận tiền vay thay nên việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Trần Văn T là không có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bình N trình bày: Anh là con rể của ông Trần Văn D và là thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Anh không biết việc vay mượn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H vào ngày 10-12-2018, anh không liên quan gì đến việc vay mượn này. Anh chỉ biết và được đi cùng ông Trần Văn D đến gặp bà Nguyễn Thị H vay tiền khoảng 05

lần trong năm 2018 và năm 2019. Ngày 20-11-2020, anh được tham gia chốt nợ giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H, khoản nợ chốt còn lại là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng), nhưng thực chất đây là số tiền lãi của các khoản vay đã ký trong sổ vay nợ riêng của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn D, bà cũng là thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Bà chỉ được thay ông Trần Văn D chuyển trả tiền cho bà Nguyễn Thị H 04 lần, còn việc vay mượn tiền giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H hay việc vay mượn tiền giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H cụ thể như thế nào, bà đều không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Khắc H trình bày: Ông là kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Ngày 10-12-2018, ông có đi cùng ông Trần Văn T đến nhà ông Nguyễn Đình V để nhận số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), nhưng ông không vào nhà ông Nguyễn Đình V nên không biết việc ký hợp đồng ngày 10-12-2018 cụ thể như thế nào. Sau khi ông Trần Văn T nhận tiền đã đưa 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cho ông nhập vào quỹ Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Sau đó, ông đã thực hiện chi số tiền này theo sự chỉ đạo của ông Trần Văn D. Theo ông, thì ông Trần Văn T chỉ là người nhận tiền và làm hợp đồng vay với bà Nguyễn Thị H, còn người vay là ông Trần Văn D nên ông Trần Văn D phải có trách nhiệm đối với khoản vay này của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình V trình bày: Ngày 10-12-2018 tại nhà riêng của ông, ông được chứng kiến Nguyễn Thị H trực tiếp đưa số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) cho ông Trần Văn T và hai bên có lập hợp đồng vay tiền như bà Nguyễn Thị H trình bày, ông được ký vào hợp đồng với vai trò là người làm chứng. Trước khi ký vào hợp đồng vay tiền, ông Trần Văn T đã tự đọc nội dung hợp đồng rồi ký tên. Nếu ông Trần Văn T nhận hộ ông Trần Văn D thì ông Trần Văn T phải ghi là nhận tiền hộ, do vậy ông khẳng định số tiền này là ông Trần Văn T vay bà Nguyễn Thị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 29-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cụ thể: Buộc ông Trần Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H, tổng số tiền nợ là 2.727.123.288 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), tiền lãi phát sinh là 727.123.288 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, về án phí, về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 29-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn T yêu cầu trung cầu giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 gồm: Chữ ký của đại diện bên A Nguyễn Thị H; chữ ký của đại diện bên B Trần Văn T và chữ viết Trần Văn T; dòng chữ viết tay “Số ** đường N, phường V, TP L, tỉnh Lạng Sơn”. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa và thực hiện trung cầu giám định.

Theo Bản giám định số 13/2023/TTTVGĐDS ngày 24-4-2023 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự kết luận: Mực chữ ký bút bi đen của bà Nguyễn Thị H (A2) trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 không được ký vào khoảng tháng 12 năm 2018, mà được ký vào khoảng tháng 07 năm 2019 với sai số 01 tháng. Mực chữ ký và chữ viết ghi họ tên bút bi xanh của ông Trần Văn T (A3) trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 được ký vào khoảng tháng 01 năm 2019 với sai số 01 tháng. Mực viết dòng chữ viết tay “Số ** đường N, phường V, TP L, tỉnh Lạng Sơn” (A1) trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 không được viết vào khoảng tháng 12 năm 2018, mà được viết vào khoảng tháng 11 năm 2019 với sai số 01 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn T thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bởi cho rằng ông không vay tiền của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn T chỉ là người nhận thay ông Trần Văn D số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Trần Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn D cho rằng việc bản án sơ thẩm nhận định ông Trần Văn T là người vay tiền của bà Nguyễn Thị H và phải có trách nhiệm trả nợ, còn việc sau khi nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn T đưa cho kế toán Công ty chuyển vào tài khoản Công ty cá nhân của ông Trần Văn D là giao dịch giữa cá nhân ông Trần Văn T với ông Trần Văn D, không liên quan trong vụ án này nên ông Trần Văn T có thể khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D bằng một vụ án khác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn D. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ chứng cứ chứng minh, xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định để đảm bảo quyền và lợi ích của ông Trần Văn D.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X, ông Đinh Khắc H, ông Nguyễn Bình N giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T, ông Trần Văn D. Bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi ngày 10-12-2018 giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn

Thị H có xác lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, về nội dung địa điểm lập hợp đồng có sự sửa chữa tại bản hợp đồng của bà Nguyễn Thị H cung cấp cho Tòa án nhưng toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T đều thừa nhận có được ký vào hợp đồng và nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Lời khai của ông Nguyễn Đình V cũng khẳng định trước khi ký vào hợp đồng vay tiền, ông Trần Văn T đã tự đọc nội dung hợp đồng rồi ký tên. Ông Trần Văn T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) là nhận thay ông Trần Văn D. Sau khi vay tiền, việc ông Trần Văn T có trực tiếp sử dụng số tiền vay hay nhập vào quỹ công ty và chi trả cho công việc của ông Trần Văn D là quyền tự định đoạt của ông Trần Văn T. Ông Trần Văn D cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về các khoản vay với bà Nguyễn Thị H, tài liệu chứng cứ về các khoản ông Trần Văn D đã trả tiền cho Nguyễn Thị H cũng không xác định được khoản tiền nào trả cho khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo như ông Trần Văn D trình bày. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T, ông Trần Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Ông Trần Văn T thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, ông Trần Văn D đề nghị hủy bản án sơ thẩm, thấy rằng có việc sửa chữa địa chỉ lập hợp đồng, phần chữ ký của Nguyễn Thị H tại hợp đồng mà ông Trần Văn T giữ chưa ký, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T đều thừa nhận được nhận 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và được ký hợp đồng, ngoài lời trình bày là nhận tiền thay ông Trần Văn D nhưng ông Trần Văn T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Nội dung tin nhắn ngày 10-12-2018 ông Trần Văn D xác nhận với bà Nguyễn Thị H không thể hiện trong 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) có khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận thay. Ông Dũng cho rằng ngày 10-12-2018 do bận đi công tác nên chỉ đạo ông Trần Văn T nhận thay, tuy nhiên số tiền ngày 10-12-2018 ông Dũng xác nhận vay của bà Nguyễn Thị H là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), còn 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) ông Trần Văn D nhận khi nào, tại sao cùng 1 ngày, vay cùng 1 người nhưng ông Trần Văn T chỉ đi nhận hộ 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà không nhận cả 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), nội dung này ông Trần Văn T, ông Trần Văn D đều không chứng minh được. Mặt khác, theo thông lệ những lần vay trước, ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H thường ký sổ hoặc viết giấy nhận nợ có chữ ký của ông Trần Văn D và ông Nguyễn Bình N, nhưng nêu cho rằng khoản

vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận thay thì tại sao lại không ký sổ hoặc viết giấy biên nhận như thường lệ mà ông Trần Văn T lại ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền. Ông Trần Văn T cho rằng trước đó không biết bà Nguyễn Thị H và chưa từng thực hiện giao dịch với bà Nguyễn Thị H, nhưng theo tài liệu do ông Trần Văn T cung cấp cho Tòa án về Giấy thu tiền mặt ngày 05-11-2018 thể hiện ông Trần Văn T chuyển trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông Trần Văn T yêu cầu trung cầu giám định vì cho rằng sau khi bà Nguyễn Thị H chót nợ với ông Trần Văn D vào ngày 20-11-2020 nhưng không đòi được tiền của ông Trần Văn D nên bà Nguyễn Thị H mới quay ra ký hợp đồng ngày 10-12-2018 để khởi kiện ông Trần Văn T. Tuy nhiên, theo kết luận giám định thì thời điểm bà Nguyễn Thị H ký và viết vào hợp đồng trước thời điểm chót nợ với ông Trần Văn D gần một năm nên việc ông Trần Văn T cho rằng bà Nguyễn Thị H ký sau ngày chót nợ với ông Trần Văn D là không chính xác. Lời khai của ông Trần Văn D trong quá trình giải quyết vụ án về tổng số tiền đã trả cho bà Nguyễn Thị H cũng có sự mâu thuẫn, không chính xác; đồng thời ông Trần Văn D cũng không chứng minh được khoản nào đã trả cho 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận hộ. Do đó, không có cơ sở xác định ông Trần Văn T nhận tiền thay ông Trần Văn D số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và ông Trần Văn D đã trả này cho bà Nguyễn Thị H. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu thu thập được xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở; xác định ông Nguyễn Đình V, ông Nguyễn Bình N, ông Đinh Khắc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T và ông Trần Văn D, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Trần Văn D là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình V. Tuy vắng mặt nhưng ông Nguyễn Đình V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn T thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, việc thay đổi rút một phần nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 284, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T thấy rằng:

[3] Theo nội dung Hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 10-12-2018, giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn T có xác lập giao dịch hợp đồng cho cá nhân vay tiền, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thời hạn vay từ ngày ngày 10-12-2018 đến ngày 12-01-2019, lãi suất theo thỏa thuận, mục đích vay tiền để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Trong hợp đồng thể hiện bà Nguyễn Thị H ký tên bên cho vay, ông Trần Văn T ký tên bên vay, ông Nguyễn Đình V ký tên người làm chứng. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn T cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ông Nguyễn Đình V người làm chứng cũng xác nhận ông Trần Văn T đã nhận số tiền trên và trước khi ký hợp đồng ông Trần Văn T đã tự đọc nội dung hợp đồng rồi ký tên. Như vậy, mục đích vay của ông Trần Văn T và việc cho vay tiền của bà Nguyễn Thị H không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, thời điểm ký hợp đồng thực hiện giao dịch ông Trần Văn T là người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký kết hợp đồng và không bị ai ép buộc.

[4] Ông Trần Văn T cho rằng ông Trần Văn T không vay tiền của bà Nguyễn Thị H, việc ký hợp đồng trên và nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) là ông Trần Văn T nhận thay ông Trần Văn D. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày rằng ông Trần Văn D gọi điện ủy quyền cho ông Trần Văn T qua điện thoại, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông Trần Văn D ủy quyền cho ông Trần Văn T nhận tiền thay. Ông Trần Văn T là người trực tiếp ký vào bên vay trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018, nội dung trong hợp đồng không thể hiện là ông Trần Văn T ký thay, nhận thay.

[5] Lời khai của ông Trần Văn D có xác nhận có nhờ ông Trần Văn T nhận thay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền vay của bà Nguyễn Thị H, lời khai của ông Trần Văn D phù hợp với lời khai của ông Trần Văn T về việc nhận tiền hộ. Nhưng bản thân ông Trần Văn D cũng trình bày ngoài khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) này, ông Trần Văn D còn vay bà Nguyễn Thị H các khoản vay khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn D không cung cấp được các tài liệu chứng cứ về các khoản đã vay với bà Nguyễn Thị H có bao gồm cả khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận thay. Ông Trần Văn D cung cấp các tài liệu, chứng cứ về các khoản tiền đã trả cho bà Nguyễn Thị H, nhưng không có tài liệu thể hiện khoản tiền nào đã trả cho khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo như ông Trần Văn D trình bày. Ngày 07-6-2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu đương sự bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn D cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện số tiền vay, thời gian cho vay giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H, kể hết thời hạn ấn định đến nay, cả hai đương sự đều không cung cấp được cho Tòa án. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị H ngày 08-6-2023, số vay nợ do bà Nguyễn Thị H giữ, mỗi lần ông Trần Văn D trả tiền, sau khi trừ tiền gốc và tiền lãi chốt lại còn nợ bao nhiêu thì lập giấy vay mới ghi trong sổ, các giấy vay cũ trong sổ bà Nguyễn Thị H đã hủy, việc hủy giấy vay nợ cũ có mặt ông Trần Văn D và anh Nguyễn Bình N chứng kiến, hiện nay bà Nguyễn Thị H chỉ còn giữ giấy vay chốt với ông Trần Văn D, anh Nguyễn Bình N

đến ngày 20-11-2020 còn nợ 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên, giấy chốt nợ ngày 20-11-2020 cũng không thể hiện nội dung gì liên quan đến khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) này. Do đó, không có tài liệu chứng cứ để xác định tổng số tiền ông Trần Văn D đã vay và đã trả bà Nguyễn Thị H bao gồm cả khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của ông Trần Văn T nhận thay.

[6] Ngoài ra, ông Trần Văn D khai không hề biết về việc ông Trần Văn T ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 với bà Nguyễn Thị H, đến khi bà Nguyễn Thị H khởi kiện thì ông mới biết có việc lập hợp đồng này. Ông Trần Văn T cho rằng chỉ đến nhận tiền thay, còn việc thỏa thuận vay với bà Nguyễn Thị H do ông Trần Văn D trực tiếp trao đổi, nhưng ông Trần Văn T lại ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền với bà Nguyễn Thị H. Từ sau khi ký hợp đồng đến khi bà Nguyễn Thị H khởi kiện, ông Trần Văn T cũng không thông tin cho ông Trần Văn D về việc lập hợp đồng; cũng không có tài liệu thể hiện giữa ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị H ký kết xác nhận lại khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà ông Trần Văn T nhận hộ. Ông Trần Văn D cung cấp hình ảnh tin nhắn gửi cho bà Nguyễn Thị H ngày 10-12-2018 xác nhận “Anh đã nhận đủ số tiền là ba tỉ hai trăm triệu đồng”. Tuy nhiên, nội dung số tiền xác nhận không thể hiện bao gồm cả khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), cũng không có tài liệu gì chứng minh về lời trình bày của ông Trần Văn D cho rằng khoản vay 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) đã bao gồm 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận thay và 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) ông Trần Văn D nhận trước ngày 10-12-2018 nên cũng không có căn cứ để xác định.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Trần Văn T yêu cầu trưng cầu giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018. Theo Bản giám định số 13/2023/TTTVGĐDS ngày 24-4-2023 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự kết luận: Mực chữ ký bút bi đen của bà Nguyễn Thị H (A2) không được ký vào khoảng tháng 12 năm 2018, mà được ký vào khoảng tháng 07 năm 2019 với sai số 01 tháng. Mực chữ ký và chữ viết ghi họ tên bút bi xanh của ông Trần Văn T (A3) được ký vào khoảng tháng 01 năm 2019 với sai số 01 tháng. Mực viết dòng chữ viết tay “Số ** đường N, phường V, TP L, tỉnh Lạng Sơn” (A1) không được viết vào khoảng tháng 12 năm 2018, mà được viết vào khoảng tháng 11 năm 2019 với sai số 01 tháng. Qua kết quả giám định thấy rằng, bà Nguyễn Thị H ký vào hợp đồng sau thời điểm lập hợp đồng vào ngày 10-12-2018, nhưng thời điểm bà Nguyễn Thị H ký vào hợp đồng được thực hiện trước ngày chốt nợ với ông Trần Văn D vào ngày 20-11-2020. Do đó, cũng không có căn cứ để xác định việc bà Nguyễn Thị H không đòi nợ được ông Trần Văn D nên mới khởi kiện đòi ông Trần Văn T theo như ông Trần Văn T trình bày. Có việc sửa chữa địa chỉ lập hợp đồng và thiếu phần chữ ký của Nguyễn Thị H tại hợp đồng mà ông Trần Văn T giữ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T đều thừa nhận được ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 10-12-2018 và nhận 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) sau khi ký hợp đồng nên không làm thay đổi bản chất của giao dịch này.

[8] Từ những phân tích trên, thấy rằng không có cơ sở để xác định khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền lập ngày 10-12-2018 là khoản vay của ông Trần Văn D. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T.

[9] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn D và xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thấy rằng:

[10] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, các tài liệu chứng cứ ông Trần Văn D yêu cầu Tòa án thu thập là sổ sách theo dõi việc vay, trả mà bà Nguyễn Thị H giữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo yêu cầu đương sự bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn D cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng kể hết thời hạn ấn định đến nay, cả hai đương sự đều không cung cấp được cho Tòa án, theo như đã nêu tại mục [5]. Bản thân ông Trần Văn D là người vay nhưng cũng trình bày không xác định được tổng số tiền đã vay, không có tài liệu chứng cứ về các khoản đã vay với bà Nguyễn Thị H để có căn cứ theo dõi số nợ phải trả mà chỉ thông qua giấy chốt nợ với bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, ông Trần Văn D cho rằng cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ là không chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu thu thập được xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở.

[11] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Đình V, ông Nguyễn Bình N, ông Đình Khắc H: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn D cho rằng các đương sự này chỉ là những người làm chứng, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc bà Nguyễn Thị H cho ông Trần Văn T vay tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án qua làm rõ tại phiên tòa, sau khi ông Trần Văn T ký hợp đồng và nhận 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) đã đưa cho ông Đình Khắc H, còn ông Nguyễn Bình N liên quan đến việc ông Trần Văn D cho rằng ông Trần Văn D và ông Nguyễn Bình N đã hết nợ gốc cho bà Nguyễn Thị H bao gồm cả khoản 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ông Trần Văn T nhận thay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đương sự trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của ông Trần Văn D đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng thực hiện trưng cầu giám định là 76.235.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Ông Trần Văn T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Do yêu cầu không được chấp nhận nên ông Trần Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này. Xác nhận ông Trần Văn T đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Trần Văn T, ông Trần Văn D phải chịu tiền án phí dân sự

phúc thẩm. Ngày 18-8-2022, ông Trần Văn T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001455 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn; ông Trần Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn D thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T phải chịu chi phí tố tụng là 76.235.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận ông Trần Văn T đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung ngân sách Nhà nước; xác nhận ông Trần Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001455 ngày 18-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trần Văn D được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Người TGT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuệ

